

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 7- 2020
V/v “*Tranh chấp Hôn nhân và
gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Yến**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Tuyết** và ông **Phạm Văn Chuy**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Văn Anh**- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 398/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:Chị **Hà Thị T**, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Tổ 5, khu 1, phường THĐ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn:Anh **Trịnh Quang T1**, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Tổ 5, khu 1, phường THĐ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2020, bản tự khai, các buổi hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hà Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Quang T1 có đăng ký kết hôn vào ngày 02/01/2013 tại Ủy ban nhân dân phường THĐ, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trước khi kết hôn cả hai có thời gian tìm hiểu một thời gian, chưa ai có vợ có chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống, không có tiếng nói chung, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T1 không quan T đến con cái, bỏ mặc gia đình, anh còn muốn tôi nghỉ việc ở nhà để chăm con nhưng công việc của anh thì anh lại không tu chí làm ăn lo cho gia đình. Những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống hàng ngày tích tụ dần trong một thời gian dài dẫn đến việc tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Vợ chồng sống cùng nhà nhưng ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay không ai quan T đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Trịnh Quang T1.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Hà Thị T và anh Trịnh Quang T1 có 01 con chung: Trịnh Bảo Q(sinh ngày 16/9/2016). Nay ly hôn, chị T có quan điểm muốn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bị đơn anh Trịnh Quang T1 có trình bày: tại bản tự khai cũng như các buổi hòa giải và tại phiên tòa hôm nay như sau: Về thời gian, điều kiện, địa điểm, hoàn cảnh kết hôn, thời gian chung sống như lời chị T trình bày ở trên là đúng. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống, chị T cho rằng anh không quan T gia đình nhưng hàng tháng anh vẫn đưa lương cho chị T để chi tiêu còn lại con lo từ những thứ nhỏ nhất. Trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm không còn. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với nhau để cùng nhau hàn gắn đoàn tụ nhưng chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T1 xác định vợ chồng có một con chung là Trịnh Bảo Q(sinh ngày 16/9/2016). Nay ly hôn, anh đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có;

Về án phí: Vợ chồng thống nhất chị T là người nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Hà Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Quang T1, Nơi cư trú: Tổ 5, khu 1, phường THĐ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hà Thị T và anh Trịnh Quang T1 có đăng ký kết hôn vào ngày 02/01/2013 tại Ủy ban nhân dân phường THĐ, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh. Việc đăng ký kết hôn này thể hiện quan hệ hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị T và anh Trịnh Quang T1 thấy : Chị T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng tiếng nói chung, không quan tâm đến nhau chia sẻ giúp đỡ nhau trong cuộc sống, anh T1 thường xuyên rượu chè, tụ tập bạn bè không chịu tu chí làm ăn dẫn đến nợ nần, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau về kinh tế. Trong cuộc sống hàng ngày không cùng quan điểm sống, thường xuyên có những mâu thuẫn nhỏ nhặt tích tụ trong một thời gian dài khiến cho tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Vợ chồng mặc dù sống cùng nhà nhưng không ai quan tâm đến ai.

Anh Trịnh Quang T1 xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn từ cuối năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tiếng nói chung, ngoài ra không có nguyên nhân nào khác. Chị T có đơn xin ly hôn anh đồng ý theo yêu cầu của chị T vì anh cho rằng chị T không còn tình cảm vợ chồng, không muốn quay về đoàn tụ thì anh cũng không muốn níu kéo nữa.

Những mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã ở mức trầm trọng và không thể khắc phục được. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã thể hiện việc đề cho chị T và anh T1 đoàn tụ là không khả thi. Tình cảm của chị T và anh T1 không còn, nếu tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân này thì cả hai anh chị cũng không thể hạnh phúc. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở, phù hợp với

quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Quá trình chung sống chị T và anh T1 có 01 con chung là: Trịnh Bảo Q(sinh ngày 16/9/2016). Chị T và anh T1 đều có nguyện vọng muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi con chung thành niên và không có yêu cầu cấp dưỡng.

Cả chị T và anh T1 đều có điều kiện để chăm sóc con chung tốt như nhau. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy: cháu Q vẫn còn nhỏ, lại là con gái nên cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ hơn vì vậy xét thấy yêu cầu muốn nuôi con chung của chị T là hoàn toàn chính đáng.

[4] *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị T và anh T1 xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung. Ngoài ra không vay nợ chung tổ chức, cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân gia và gia đình; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị Hà Thị T được ly hôn anh Trịnh Quang T1.
- *Về con chung*: Giao con chung Trịnh Bảo Q(sinh ngày 16/9/2016) cho chị Hà Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị T và có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.
- *Về tài sản chung*: Chị Hà Thị T và anh Trịnh Quang T1 tự thỏa thuận.
- *Về công nợ chung*: Không có.
- *Về án phí*: Chị Hà Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ

(Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002412 ngày 21/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân TP H;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự TP H;*
- *Ủy ban nhân dân phường THĐ, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Yến